

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 8 - 2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị D, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 17/8/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2021/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Xóm G, xã M, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm C, xã M, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị D, anh C (chị D, anh C có đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI D V U Á N:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Văn C vào ngày 11/3/2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì gần đây giữa chị và anh C có nhiều lần xảy ra bất đồng mâu thuẫn. Hai bên không hợp nhau về mọi mặt nên cuộc sống chung luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Hiện nay chị và anh C đang sống ly thân nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn C.

Về con chung: Chị và anh C có một con chung là Trần Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 05/10/2020 hiện nay cháu còn nhỏ nên đang chung sống cùng chị. Sau ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Trước đây chị có yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng mỗi tháng là 03 triệu đồng, tuy nhiên nay chị thay đổi lại quan điểm, chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con

chung cùng, còn trên thực tế anh C có cấp dưỡng hay không tùy thuộc vào điều kiện của anh C.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai đề ngày 30/7/2021 bị đơn anh Trần Văn C trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, anh đồng ý với quan điểm của chị D. Về tình cảm, anh xác định trong quá trình chung sống anh và chị D có phát sinh mâu thuẫn do sự bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau. Anh và chị D sống ly thân từ tháng 4/2021 đến nay. Nếu mà chị D kiên quyết xin ly hôn anh cũng chấp nhận.

Về con chung: Anh và chị D có một con chung là Trần Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 05/10/2020 hiện con chung còn nhỏ đang sống cùng chị D. Anh đồng ý để con chung cho chị D nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng anh đề nghị theo quy định của pháp luật, anh chỉ có thể cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh chị. Tại buổi hòa giải: Về tình cảm: Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn vẫn giữ nguyên đề nghị giải quyết ly hôn với anh C. Anh C mong muốn vợ chồng đoàn tụ để con chung có bố có mẹ, không bị bơ vơ nên không đồng ý ly hôn với chị D. Về con chung: Chị D, anh C thống nhất giao con chung cho chị D nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị D, anh C thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị D, anh C xin giải quyết vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị D, anh C đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do nguyên đơn chị Nguyễn Thị D thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Trần Văn C có nơi cư trú tại xóm C, xã M, huyện Y, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị D, anh C có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội D:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra bất đồng nên cuộc sống luôn căng thẳng và không có hạnh phúc. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin ly hôn với anh C. Anh C cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng như lời khai của chị D, bản thân anh đã nhiều lần níu kéo để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị D vẫn kiên quyết xin ly hôn ban đầu anh cũng chấp nhận đơn xin ly hôn của chị D, tuy nhiên sau đó anh không chấp nhận vì mong muốn con cái có cả bố và mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị D, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị D và anh C có một con chung là Trần Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 05/10/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D và anh C thống nhất giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, tiếp tục giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 05/10/2020 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Thị D phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001744 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị D đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã P: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Anh